

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 6- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Trần Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị– Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX- ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1989- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 7c, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Buôn P2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Lưu Văn H, sinh năm 1985- Xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 7c, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt chị Lương Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/4/2007. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm trọng chuyện kinh tế gia đình, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022, chị Lương Thị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Buôn P2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk sinh sống cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyện vọng của chị Lương Thị T xin được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H có 02 con chung: cháu Lưu Bích N, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014.

Chị Lương Thị T đề nghị sau khi ly hôn thì giao cháu Lưu Bích N và cháu Lưu Thị Hồng T cho anh Lưu Văn H trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi, vì hiện nay chị ra đi hai bàn tay trắng, không có nhà cửa, không có công việc và chị cũng không có thu nhập ổn định để nuôi các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu Văn H trình bày: Anh Lưu Văn H và chị Lương Thị T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/4/2007. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm trọng chuyện kinh tế gia đình, chị T đã tự ý bỏ nhà, bỏ con về nhà bố mẹ đẻ tại Buôn P2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và làm đơn xin ly hôn với anh H, nên anh H không đồng ý ký thuận tình ly hôn với chị T mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để cho chị T ly hôn theo yêu cầu một bên.

Về con chung: Anh Lưu Văn H xin được nuôi 02 con chung là cháu Lưu Bích N, sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 cho tới lúc các cháu tròn 18 tuổi và yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Lương Thị T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 theo mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng/cháu (1.490.000 đồng/02 cháu) cho tới lúc các cháu tròn 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lương Thị T đề ngày 22/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Lương Thị T làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Lưu Văn H cư trú tại Thôn 7c, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa lần thứ nhất chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H đều vắng mặt, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T sinh ngày 15/9/2014. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng chị Lương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Lưu Văn H cũng xác định không còn tình cảm với chị Lương Thị T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu một bên.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H, vì anh chị không khai báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác định chị T và anh H không còn chung sống với nhau, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ tại Buôn P2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H xác định tình cảm không còn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị T, cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H có 02 con chung là cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 cả hai cháu đều có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn thì xin được ở với bố và chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H có nguyện vọng, sau khi ly hôn anh H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến lúc các cháu trưởng thành vì anh H có nhà cửa, công việc ổn định, còn chị T không có nhà cửa và phải đi làm ăn xa, không đảm bảo việc nuôi các cháu. Xét thấy nguyện vọng của chị T và anh H là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của các

con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lưu Bích N và cháu Lưu Thị Hồng T cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Chị Lương Thị T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị Lương Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Lưu Văn H yêu cầu chị Lương Thị T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy, hiện nay chị Lương Thị T không có nhà cửa và công việc ổn định. Tại thời điểm xét xử mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, cha mẹ phải có nghĩa vụ chung đối với con cái, nên cần buộc chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi cháu là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, cụ thể: 1.490.000 đồng : 2 = 745.000 đồng cho tới lúc các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc các cháu tròn 18 tuổi.

Chị Lương Thị T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên chị Lương Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Lương Thị T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lưu Bích N; sinh ngày 06/02/2007 và cháu Lưu Thị Hồng T, sinh ngày 15/9/2014 theo mức cấp dưỡng 745.000đồng/tháng/cháu (1.490.000 đồng/02 cháu) cho tới lúc các cháu tròn 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lương Thị T và anh Lưu Văn H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Lương Thị T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0015984 ngày 01/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Chị Lương Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Nguyên đơn chị Lương Thị T, bị đơn anh Lưu Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Ea Phê;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Anh Hùng